

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 714/2025/DS-PT
Ngày 26-11- 2025
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 473/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 634/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Võ Thị Q, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Văn T1, sinh năm 1947.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn M, Văn phòng L, Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Đào Thị Ngọc C, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ngô Văn K, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số C ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Ngô Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số B ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* các bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 cùng các lời trình trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị Q trình bày:

Ngày 01/02/2012, ông T có cho ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H vay số tiền 590.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, có làm “Biên nhận” do ông T1 và bà H ký tên. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay cho đến nay ông T1 và bà H không trả cho ông T khoản tiền lãi và tiền nợ vay nên ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà H liên đới trả số tiền nợ vay là 590.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H thống nhất trình bày:

Bà H không nhớ rõ thời gian, khoảng năm 2010 bà có vay tiền của bà Đào Thị Ngọc C (vợ của ông Nguyễn Thanh T) nhiều lần mỗi lần vay là khoảng 10.000.000đồng, 20.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 1.000.000đ/1 ngày/5.000đ, mục đích vay tiền để cho con sử dụng. Sau đó, bà không tiền trả cho bà C nên bà C tự cộng vốn và lãi thành 130.000.000đồng.

Sau đó, bà có tham gia 03 dây hụi do bà C làm chủ, gồm các dây hụi 1.000.000đ/tháng, hụi 2.000.000đ/tháng, hụi 3.000.000đ/tháng, mỗi dây hụi khoảng 20 kỳ, bà tham gia 1 phần. Hụi thỏa thuận ai bỏ thăm cao sẽ hốt. Bà đã đóng hụi sống đến khi mãn hụi nhưng không được hốt. Bà C tự hốt để cản trừ nợ 130.000.000đồng. Bà không nhớ số tiền hụi đã đóng là bao nhiêu. Hụi nay đã mãn.

Ngày 01/02/2012, bà Đào Thị Ngọc C và ông Nguyễn Thanh T đã đến nhà bà và gây áp lực yêu cầu bà và ông T1 viết, ký giấy nợ với số tiền 590.000.000đồng. Bà và ông T1 có ký giấy nợ.

Sau khi ký giấy nợ ngày 01/02/2012, mỗi tháng bà đều có trả lãi cho bà C, số tiền lãi trả 1.000.000đ/tháng, 2.000.000đ/tháng, 3.000.000đ/tháng. Tổng số tiền lãi đã trả là 200.000.000đồng. Đến năm 2013 (không nhớ rõ ngày, tháng) bà không có khả năng trả tiền lãi tiếp nên bà C, ông T1 có đến lấy 02 cây mai khoảng 50 năm tuổi để cản trừ nợ.

Ông **T1** và bà H xác định không còn nợ tiền ông T1, bà C và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Ngọc C vắng mặt nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 03/6/2025 có ý kiến như sau:

Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh T. Bà không có cho ông T1, bà H vay tiền. Ông T là người cho ông T1, bà H vay tiền.

Bà và ông T không có lấy 02 cây mai của ông T1 để siết nợ.

Bà có làm chủ hội và bà H có tham gia 02 đây hội 1.000.000đ/tháng, 2.000.000đ/tháng, hội nay đã mãn, bà H có hết hội đầy đủ.

Người làm chứng ông Ngô Văn K trình bày:

Ông không nhớ rõ thời gian, ông có đi ngang nhà ông T1 và thấy một số người (không biết họ tên, địa chỉ) đang khiêng cây mai lên xe ba gác, ông cứ nghĩ ông T1 bán mai cho người khác. Ông thấy cây mai cũng hơi lớn, ông không biết chính xác độ tuổi của cây mai.

Người làm chứng ông Trương Công P1 trình bày:

Ông không nhớ rõ thời gian, lúc đó khoảng 10 giờ ông có đi ngang nhà ông T1 và thấy khoảng 3-4 người (không biết họ tên, địa chỉ) đang khiêng cây mai lên xe ba gác. Ông thấy cây mai được khiêng từ nhà ông T1 ra. Ông không có ghé vào nhà ông T1. Ông không có thấy ông T. Ông không biết ông T1 tặng hay bán cây mai. Theo ông, cây mai có đường kính khoảng 40cm, khoảng 7-8 tuổi.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 24/01/2024 và xét xử vào ngày 21/3/2024. Bản án số 13/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1 và bà H liên đới thanh toán cho ông T số tiền 590.000.000đồng. Do ông T1 và bà H kháng cáo. Bản án dân sự phúc thẩm số 306/2024/DS-PT ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ngày 24/4/2025 Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh thụ lý lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 177, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

1.1. Buộc ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ vay là 590.000.000đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1 Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.800.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009297 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh).

2.2 Ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2025 bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H cùng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, đại diện nguyên đơn bà Võ Thị Q không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Các bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H không rút đơn kháng cáo, trình bày cho rằng có sự ép buộc khi ký giấy biên nhận nợ và đã thanh toán bằng hình thức xiết nợ 02 cây mai, nên không đồng ý trả nợ cho ông T.

Những người làm chứng ông Ngô Văn K và ông Ngô Văn P vẫn giữ nguyên trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, cho rằng có nhìn thấy người chở mai khi đi ngang nhà của ông T1 bà H nhưng không biết ai là người trực tiếp chở mai, sau đó được ông T1 cung cấp thông tin việc lấy mai là do xiết nợ.

Luật sư Nguyễn Văn M phát biểu **quan điểm** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn trên cơ sở các căn cứ sau đây: khoản nợ theo giấy nợ từ năm 2012 nhưng đến năm 2022 thì ông T mới đi khởi kiện. Ông T1 và bà H đều xác định có sự việc ông T lấy 02 cây mai để cản trừ nợ, qua xem xét lời khai của 02 người làm chứng chứng kiến việc chở mai với không khí ồn ào khác thường, được ông T1 thông tin bị xiết nợ mai. Ông T1 và bà H đều không hiểu biết nên đã không báo với chính quyền địa phương.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn Trương Văn T1 và bà Trần Thị H trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H thấy rằng:

Theo giấy “Biên nhận” ngày 01/02/2012 có nội dung “Tôi tên Trương v T2 ... tôi có nhận của ông Nguyễn Thanh T số tiền là 590.000.000đ (Năm trăm chín mươi triệu đồng) để hỗ trợ cho con gái tôi làm ăn...ngày mượn tiền là 1/2/2012. Thời gian 06 tháng trả lại... người nhận Trương Văn T1, Nguyễn Thị H1 ký tên”. Ông

T1 và bà H1 đều thừa nhận “Biên nhận” ngày 01/02/2012 do ông T1 viết, chữ ký và chữ viết họ tên “Trương V T2” và “Trần Thị H” tại mục “người nhận” là của ông bà nhưng ông bà cho rằng đã trả tiền nhiều lần và sau đó ông T đến nhà lấy 02 cây mai khoảng 50 tuổi cản trừ nợ nên hiện ông bà không còn nợ tiền nguyên đơn nữa.

Ông T2 và bà H cho rằng ông bà ký biên nhận do bị ông T ép buộc tuy nhiên ông T2, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc ép buộc này, phía ông T cũng không thừa nhận có việc ép buộc, hơn nữa ông T2 là người tự viết giấy nợ và hai vợ chồng cùng ký tên vào biên nhận ngày 01/02/2012. Vì vậy, không có căn cứ để xác định việc ký giấy nợ của ông T2 bà H là do bị ông T cưỡng ép.

Bà H trình bày bà có vay tiền của bà C nhiều lần với tổng số tiền 130.000.000 đồng và bà có tham gia chơi hụi do bà C làm chủ để cản trừ nợ nhưng ngày 01/02/2012 bà H, ông T2 ký giấy nợ 590.000.000đ là do số tiền nợ vay 130.000.000đ cộng với lãi suất. Lời trình bày của bà H có sự mâu thuẫn khi chơi hụi để cản trừ hết nợ nhưng vợ chồng bà vẫn ký giấy nợ ngày 01/2/2012 với ông T, đồng thời tại đơn kháng cáo ngày 05/4/2024 ông T2, bà H lại trình bày trước đây vợ chồng bà có vay tiền của ông T nhiều lần... Bà C khẳng định không có việc bà cho bà H vay tiền và cản trừ tiền hụi vào khoản vay của ông T.

Đối với việc ông T2, bà H cho rằng sau khi ký giấy nợ ông bà không có khả năng trả lãi nên vợ chồng ông T, bà C đến lấy 02 cây mai khoảng 50 năm tuổi để cản trừ nợ, thấy rằng lời khai của những người làm chứng là ông Trương Công P1 và ông Ngô Văn K chỉ xác định thấy có người chở mai của ông T2 nhưng không biết là ai và không thấy ông T mà chỉ nghe ông T2 nói lại. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T2 cũng xác nhận lời khai của người làm chứng là đúng sự thật, đồng thời thừa nhận ông không trình báo cơ quan có thẩm quyền và giữa ông với ông T cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện việc dùng 02 cây mai để cản trừ nợ.

Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T2 và bà H liên đới trả tiền vay cho ông T là có căn cứ, kháng cáo của ông T2, bà H là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T2, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Ngọc C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà C.

[3] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H liên đới trả tiền nợ vay 590.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T nên ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[4.1] Căn cứ vào giấy tay biên nhận vay tiền ngày 01/02/2012 thì ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H có nhận số tiền 590.000.000đồng của ông Nguyễn Thanh T. Ông T1 bà H cho rằng có vay tiền của ông T nhiều lần với tổng số tiền 130.000.000đồng, có trả lãi cho ông T1 tổng cộng 200.000.000đồng, có sự ép buộc khi ký tên vào biên nhận vay tiền, tuy nhiên ông T1 và bà H không đưa ra bất cứ chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét cũng như điều tiết số tiền đã trả.

[4.2] Các bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H còn trình bày thêm rằng, số tiền nợ được cản trừ bằng việc ông T1 bà H giao cho ông T bà C hai cây mai khoảng 50 năm tuổi, có sự chứng kiến của ông Trương Công P1, ông Ngô Văn K. Tuy nhiên cả ông K và ông P1 đều trình bày cho rằng không nhìn thấy ông T chở mai đi, ông T1 và bà H cũng không trình báo với chính quyền địa phương về việc bị xiết nợ. Vụ án đã bị hủy theo trình tự phúc thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án để tạo điều kiện cho ông T1 bà H chứng minh việc trả nợ bằng hình thức cản trừ 02 cây mai, nhưng phía bị đơn cũng không chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục buộc phía các bị đơn thanh toán nợ là có căn cứ. Ông T1 và bà H kháng cáo không xuất trình chứng cứ mới nên cũng không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí phúc thẩm: ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông T1 bà H là người cao tuổi được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

Buộc ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ vay là 590.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.800.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009297 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh).

Miễn án phí cho ông Trương Văn T1 và bà Trần Thị H.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND KV 5 – TN;
- THADS tỉnh TN;
- Phòng THADS KV 5 - TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga